



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
NĂM 2018**

Căn cứ vào điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 3 đã được đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua;

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-SD3-ĐHĐCĐ Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Sông Đà 3 ngày 26 tháng 12 năm 2018; trong đó có việc thông qua lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.

Kết quả của việc thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2018 với các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu sau:

- **Tài sản và nguồn vốn:**
 - A. **Tổng tài sản:** 952.041.620.733 đồng; trong đó:
 - I. Tài sản ngắn hạn: 649.063.345.451 đồng;
 - II. Tài sản dài hạn: 302.978.275.282 đồng;
 - B. **Tổng nguồn vốn:** 952.041.620.733 đồng; trong đó:
 - I. Nợ phải trả: 856.784.560.347 đồng;
 - II. Nguồn VCSH: 95.257.060.386 đồng.
- **Kết quả sản xuất kinh doanh:**
 - 1. Doanh thu thuần: 111.114.400.074 đồng;
 - 2. Giá vốn hàng bán: 104.921.806.252 đồng;
 - 3. Lợi nhuận gộp: 6.192.593.822 đồng;
 - 4. Doanh thu hoạt động tài chính: 49.492.732.863 đồng;
 - 5. Chi phí tài chính: 40.467.124.050 đồng;
 - 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp: 13.911.318.302 đồng;
 - 7. Lợi nhuận thuần: 1.306.884.333 đồng;
 - 8. Thu nhập khác: 100.000.000 đồng;
 - 9. Chi phí khác: 1.158.000.311 đồng;
 - 10. Lợi nhuận khác: -1.088.000.311 đồng;
 - 11. Tổng lợi nhuận trước thuế: 248.884.022 đồng.
- **Lưu chuyển tiền tệ:**
 - 1. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh: 5.705.889.186 đồng;
 - 2. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư: -77.400.796 đồng;
 - 3. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính: -5.223.868.057 đồng;
 - 4. Lưu chuyển tiền thuần trong năm: 404.620.333 đồng.
- **Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước:**
 - 1. Số phải nộp đầu kỳ: 1.725.746.577 đồng;
 - 2. Số phải nộp trong năm: 363.208.507 đồng;
 - 3. Số đã nộp trong năm: 167.942.677 đồng.
 - 4. Số còn phải nộp cuối kỳ: 1.921.012.407 đồng

Trên đây là tóm tắt báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C, một số vấn đề nêu trong ý kiến ngoại trừ đã được Công ty chúng tôi kiểm tra soát xét lại và nhận thấy rằng số liệu nêu trên đã phản ánh đúng với thực tế và không bao gồm ý kiến ngoại trừ.

TM. BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Việt Lương

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		649.063.345.451	706.227.578.406
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.272.465.687	867.845.354
1. Tiền	111		1.272.465.687	867.845.354
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		378.180.910.360	395.539.839.728
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	338.632.760.006	362.667.650.598
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	17.854.810.724	12.295.063.225
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.4	1.265.860.531	1.265.860.531
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	37.335.775.669	36.219.561.944
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(16.908.296.570)	(16.908.296.570)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		264.707.265.793	297.889.500.649
1. Hàng tồn kho	141	V.7	264.707.265.793	297.889.500.649
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.902.703.611	11.930.392.675
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	140.356.441	1.423.718.166
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.136.257.547	9.880.584.886
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	626.089.623	626.089.623
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		302.978.275.282	267.881.593.484
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		32.479.785.363	43.846.966.759
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	32.135.747.860	43.846.966.759
- Nguyên giá	222		198.286.220.263	198.286.220.263
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(166.150.472.403)	(154.439.253.504)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	344.037.503	-
- Nguyên giá	228		404.750.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(60.712.497)	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		68.207.128	68.207.128
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	68.207.128	68.207.128
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		265.203.280.000	215.717.920.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	259.303.280.000	209.817.920.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.12	5.900.000.000	5.900.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.227.002.791	8.248.499.597
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	5.227.002.791	8.248.499.597
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		952.041.620.733	974.109.171.890

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		856.784.560.347	879.420.995.526
I. Nợ ngắn hạn	310		856.784.560.347	879.420.995.526
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	199.123.626.300	218.101.073.268
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	14.495.048.829	36.452.585.571
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	1.921.012.407	1.725.746.577
4. Phải trả người lao động	314	V.16	4.460.908.791	29.328.012.672
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	83.483.765.050	33.874.806.592
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	36.535.066.293	37.908.770.112
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	515.207.019.636	520.430.887.693
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	1.558.113.041	1.599.113.041
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		95.257.060.386	94.688.176.364
I. Vốn chủ sở hữu	410		95.257.060.386	94.688.176.364
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	159.993.560.000	159.993.560.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		159.993.560.000	159.993.560.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	100.029.499.600	100.029.499.600
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	23.233.250.510	23.233.250.510
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	(187.999.249.724)	(188.568.133.746)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(188.248.133.746)	(188.568.133.746)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		248.884.022	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		952.041.620.733	974.109.171.890


Phạm Hồng Trung
 Người lập


Nguyễn Văn Hình
 Kế toán trưởng




Võ Dũng
 Tổng Giám đốc

Gia Lai, ngày 30 tháng 3 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

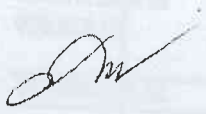
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	111.114.400.074	193.267.144.294
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	5.432.446.955
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		111.114.400.074	187.834.697.339
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	104.921.806.252	177.279.468.731
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.192.593.822	10.555.228.608
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	49.492.732.863	151.409.825
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	40.467.124.050	49.197.411.197
Trong đó: chi phí lãi vay	23		40.467.124.050	48.297.154.579
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	13.911.318.302	32.557.291.630
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.306.884.333	(71.048.064.394)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	100.000.000	2.182.070.686
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.158.000.311	1.784.334.292
13. Lợi nhuận khác	40		(1.058.000.311)	397.736.394
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		248.884.022	(70.650.328.000)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	-	1.897.200
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		248.884.022	(70.652.225.200)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9		


Phạm Hồng Trung
Người lập


Nguyễn Văn Hình
Kế toán trưởng


Vũ Dũng
Tổng Giám đốc



Gia Lai, ngày 30 tháng 3 năm 2019

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

11/5/1944

12

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 3

Địa chỉ: Số 105 Đường Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	359.769.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(5.223.868.057)	(314.369.624.616)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(5.223.868.057)</u>	<u>45.399.375.384</u>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50		404.620.333	(8.765.947.790)
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	60		867.845.354	9.633.793.144
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		-	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	70		<u>1.272.465.687</u>	<u>867.845.354</u>


Phạm Hồng Trung
 Người lập


Nguyễn Văn Hình
 Kế toán trưởng


Vũ Dũng
 Tổng Giám đốc



Gia Lai, ngày 30 tháng 3 năm 2019